| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN K**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Sơn Thị Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thị Bình

Ông Vũ Văn Lẫy

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 693/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị N; địa chỉ: Tổ 10, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh Lương Anh T; ĐKHKTT: Số 1A đường H, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội; tạm trú tại: Số 04/02 đường N, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 1, Đội 7, Trại giam T, xã C2, huyện C1, thành phố Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên toà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn, chị Phùng Thị N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Q, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 12/3/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau dẫn đến đời sống chung bế tắc, nguyên nhân do tính tình

không hợp, mỗi người có một quan điểm sống khác nhau, anh Tuấn không có công ăn việc làm ổn định, không quan tâm đến gia đình. Hiện anh Lương Anh T đang chấp hành án tại: Phân trại 1, Đội 7, Trại giam T, xã C2, huyện C1, thành phố Thanh Hóa, hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Phùng Thị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị Phùng Thị N được ly hôn với anh Lương Anh T.

Về nuôi con: Chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T có 02 con chung là: Lương Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004 và Lương Hoàng T, sinh ngày 07/3/2010, chị Phùng Thị N nhận nuôi cả hai con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phùng Thị N tự thoả thuận với anh Lương Anh T, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phùng Thị N khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 11/7/2018, bị đơn là anh Lương Anh T trình bày*:

Về hôn nhân: Anh Lương Anh T và chị Phùng Thị N kết hôn trên sơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận B, thành phố Hà Nội vào năm 2007. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại số 91 phố A, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 12/2014, anh Lương Anh T bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Hiện tại tôi đang chấp hành án có nhận được Đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Phùng Thị N. Nay chị Phùng Thị N xin ly hôn thì anh Lương Anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T có 02 con chung là: Lương Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004 và Lương Hoàng T, sinh ngày 07/3/2010. Khi ly hôn anh Lương Anh T đồng ý giao con cho chị Phùng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng vì anh Lương Anh T đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Lương Anh T khai vợ chồng không có tài sản chung.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Lương Anh T. Về con chung: Giao 02 con chung là Lương Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004 và Lương Hoàng T, sinh ngày 07/3/2010 cho chị Phùng Thị N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lương Anh T hoặc có sự thay đổi khác theo quy định

của pháp luật. Về tài sản chung: Chị Phùng Thị N và anh Lương Tuấn Anh đều không có đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Phùng Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lương Anh T, sinh năm 1981; ĐKHKTT: Số 1A đường H, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội; tạm trú tại: Số 04/02 đường N, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 1, Đội 7, Trại giam T, xã C2, huyện C1, thành phố Thanh Hóa, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K nhận được đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận B, thành phố Hà Nội ngày 12/3/2007 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2007, quyển số 01). Vì vậy, hôn nhân giữa chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào vào tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, anh Lương Anh T không có công ăn việc làm, không quan tâm đến gia đình vợ con, nay chị Phùng Thị N đề nghị ly hôn, anh Lương Anh T cùng đồng ý như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị Phùng Thị N xin ly hôn anh Lương Anh T là phù hợp pháp luật.

[5] Về nuôi con: Chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T có 02 con chung là: Lương Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004 và Lương Hoàng T, sinh ngày 07/3/2010; khi ly hôn, chị Phùng Thị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con và các con đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Phùng Thị N; chị Phùng Thị N có công việc và thu nhập ổn định, trong khi đó anh Lương Anh T đang chấp hành án tại: Phân trại 1, Đội 7, Trại giam T, xã C2, huyện C1, thành phố Thanh Hóa, không có điều kiện nuôi dưỡng con, anh Lương Anh T cũng đồng ý giao cả 02 còn chung cho chị Phùng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng nên việc giao hai con chung cho chị Phùng Thị N nuôi dưỡng là phù hợp cần chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con chung Lương Hoàng T và Lương Hoàng N cho chị Phùng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi

hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lương Anh T hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phùng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T.

2. Về nuôi con: Chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T có 02 con chung là: Lương Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004 và Lương Hoàng T, sinh ngày 07/3/2010. Giao cả 02 con chung cho chị Phùng Thị N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lương Anh T hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Phùng Thị N và anh Lương Anh T không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010105 ngày 24/5/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, chị Phùng Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường Q, quận B, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Sơn Thị Nhân**